TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST Ngày 27-12-2019 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Dên

2. Bà Hà Thị Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị **Trần Thị N**- sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tạm trú tại: Khu 01, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Anh **Đinh Ngọc D** - sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa, không có lý do.

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:**

3.1.Anh Đinh Ngọc H- sinh năm 1984 (Anh trai ruột anh Đinh Ngọc D), chị Trần Thị Thùy L- sinh năm 1989 (Vợ anh Đinh Ngọc H); nơi cư trú: Khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Anh H, chị L vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Huyền T- sinh năm 1976; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch số 03- Chi nhánh Phú Thọ- Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam; địa chỉ: Khu 09, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Đinh Ngọc D tự nguyện kết hôn với nhau ngày 20/10/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm thuê tại huyện P, tỉnh Phú Thọ. Đến năm 2016, vợ chồng về sinh sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh D tại khu 01, xã S. Qúa trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thường xuyên uống rượu bia, ham chơi dẫn đến vay nợ nhiều, đồng thời còn có quan hệ nam nữ phức tạp bên ngoài, thường xuyên qua đêm không về nhà, không quan tâm đến vợ con. Mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng anh D không thay đổi. Tháng 12/2018, anh D vào Miền Nam làm thuê. Khoảng đầu năm 2019, chị N về nhà bố mẹ đẻ tại khu 01, xã C ở và từ đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Tại bản tự khai ngày 23/8/2019, bị đơn là anh Đinh Ngọc D trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị Trần Thị N trình bày. Theo anh D, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh đã ham vui, vay nợ nhiều làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và do chị N có quan hệ với người đàn ông khác. Ny chị N yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Đinh Ngọc Khánh D- sinh ngày 11/01/2012. Hiện nay con đang ở với chị N. Ly hôn, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi con chung và đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 584, tờ bản đồ số 11, diện tích 100m^2, loại đất ở, tại khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, trị giá 70.000.000 đồng. Trên đất có ½ diện tích =95m^2 của nhà xây cấp 4, lợp tôn thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Đinh Ngọc H, chị Trần Thị Thùy L (Anh H, chị L mượn đất của vợ chồng chị N, anh D để xây quán sửa chữa xe mô

tô). Ly hôn, chị N đề nghị giao cho anh D sử dụng thửa đất trên và không phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho chị N. Anh D đề nghị chia đôi tài sản chung.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên đều trình bày vợ chồng có thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 584 nêu trên để vay của Phòng giao dịch huyện C - Chi nhánh Phú Thọ- Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng, đến nay chưa trả được. Ly hôn, hai bên có quan điểm là anh D có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng và chị N không phải thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ.

Về công sức: Hai bên trình bày không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Ngọc H, chị Trần Thị Thùy L thống nhất trình bày: Anh H, chị L có xây nhờ một phần lán xưởng trên thửa đất số 584, diện tích 100m^2, tại khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng của vợ chồng anh Đinh Ngọc D, chị Trần Thi N. Khi nào có yêu cầu thì vợ chồng anh H, chị L tự tháo dỡ để trả lại đất cho anh D, chị N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu đã trình bày;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn nhiều lần không có mặt theo giấy báo của Tòa án mà không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và Điều 29; Điều 33; Khoản 1 Điều 59; Khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Đinh Ngọc D.

2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Ngọc Khánh D- sinh ngày 11/01/2012 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đinh Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:

Giao cho anh Đinh Ngọc D có quyền sử dụng thửa đất ở số 584, tờ bản đồ số 11, diện tích 100 m^2, tại khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 861498 ngày 10/6/2014, trị giá 70.000.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo).

Anh Đinh Ngọc D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam do bà Phạm Thị Huyền T- sinh năm 1976; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch số 03- Chi nhánh Phú Thọ- Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam là người đại diện số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng.

Anh D, chị N không phải thanh toán chênh lệch tài sản, nghĩa vụ về tài sản cho nhau, vì các đương sự không yêu cầu.

Khi anh Đinh Ngọc D có yêu cầu, anh Đinh Ngọc H, chị Trần Thị Thùy L có nghĩa vụ tháo dỡ ½ diện tích của nhà xây cấp 4, lợp tôn (95m^2) thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh H, chị L để trả lại quyền sử dụngthửa đất ở số 584, tờ bản đồ số 11, diện tích 100 m^2, tại khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 861498 ngày 10/6/2014 cho anh D.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sơ thẩm. Anh Đinh Ngọc D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả Hỏi tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Đinh Ngọc D bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D ham chơi, vay nợ nhiều, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải, nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 11/2018 đến Ny, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận cho chị N và anh D được ly hôn, để tránh sự giàng buộc không có lợi cho cả hai bên.

[2]. Về con chung: Con chung của vợ chồng đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với chị N và kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung đã được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Còn anh D hiện làm thuê tại miền Nam, không có điều kiện về chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần giao con chung là Đinh Ngọc Khánh D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị N không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chứng cứ thu thập được cho thấy: tài sản chung của chị N, anh D là quyền sử dụng thửa đất số 584 đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam và vợ chồng anh trai, chị dâu của anh D hiện đã mượn đất xây quán sửa chữa xe mô tô trên đó. Do vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần giao cho anh D có quyền sử dụng thửa đất ở số 584, tờ bản đồ số 11, diện tích 100 m^2, tại khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, trị giá 70.000.000 đồng và giao anh D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, chi nhánh Phú Thọ - Phòng giao dịch huyện C số tiền gốc là 40.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng. Anh D, chị N không phải thanh toán chênh lệch tài sản và nghĩa vụ về tài sản cho nhau, vì các đương sự không yêu cầu.

Khi anh Đinh Ngọc D có yêu cầu, anh Đinh Ngọc H, chị Trần Thị Thùy L có nghĩa vụ tháo dỡ ½ diện tích của nhà xây cấp 4, lợp tôn (95m^2) thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh H, chị L để trả lại quyền sử dụng đất cho anh D.

[4]. Về công sức: Do các đương sự trình bày không có, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Do chị N yêu cầu, nên chị N phải chịu lệ phí.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Đinh Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và Khoản 1 Điều 59; Khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 180; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Đinh Ngọc D.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Đinh Ngọc Khánh D- sinh ngày 11/01/2012 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đinh Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị N không yêu cầu.

2.2. Anh Đinh Ngọc D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho anh Đinh Ngọc D có quyền sử dụng thửa đất ở số 584, tờ bản đồ số 11, diện tích 100 m^2, tại khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 861498 ngày 10/6/2014, trị giá 70.000.000 đồng (có sơ đồ kèm theo).

Anh Đinh Ngọc D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam do bà Phạm Thị Huyền T- sinh năm 1976; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch số 03 - Chi nhánh Phú Thọ - Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam là người đại diện theo ủy quyền số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng.

Anh D, chị N không phải thanh toán chênh lệch tài sản, nghĩa vụ về tài sản cho nhau, vì các đương sự không yêu cầu.

3.2. Khi anh Đinh Ngọc D có yêu cầu, anh Đinh Ngọc H, chị Trần Thị Thùy L có nghĩa vụ tháo dỡ ½ diện tích của nhà xây cấp 4, lợp tôn (95m^2) thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh H, chị L để trả lại quyền sử dụngthửa đất ở số 584, tờ bản đồ số 11, diện tích 100 m^2, tại khu 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 861498 ngày 10/6/2014 cho anh D.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Trần Thị N phải chịu 3.055.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp là 3.055.000đồng. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

5. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0003265 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đinh Ngọc D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm khê;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- THADS Cẩm khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng